FireAnt

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 (HSX: DRL)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	64,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	67,165
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	58,176
SL cổ phiếu LH	9,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,880
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	609
P/E	11.7
EPS	5,470

	YTD	1T	3T	6T
DRL	-0.5%	-2.9%	-1.9%	0.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản

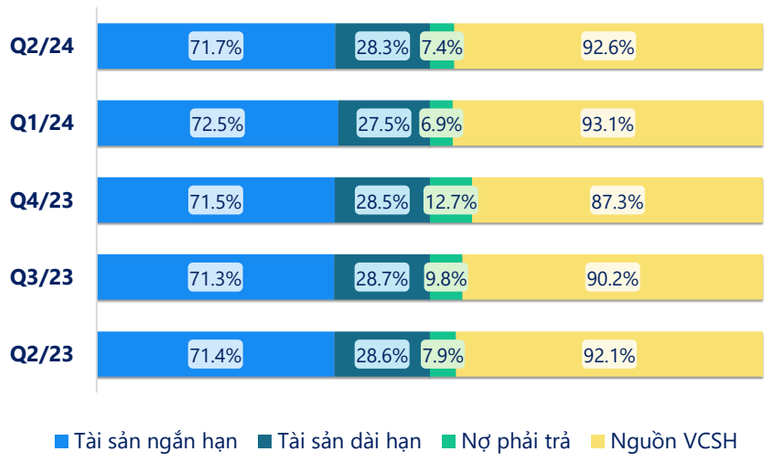

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

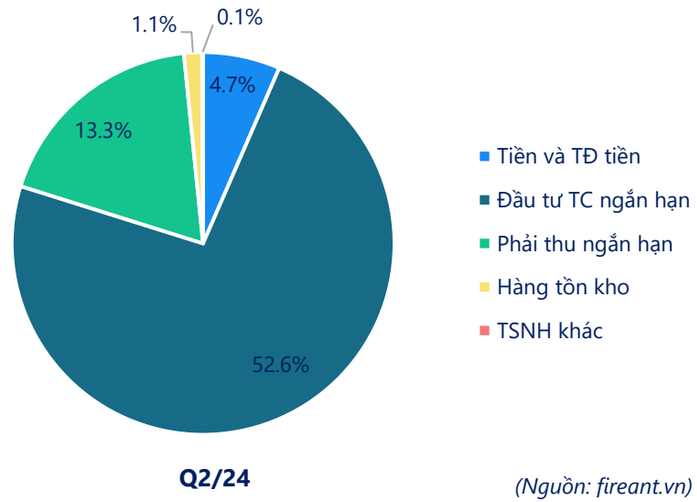

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

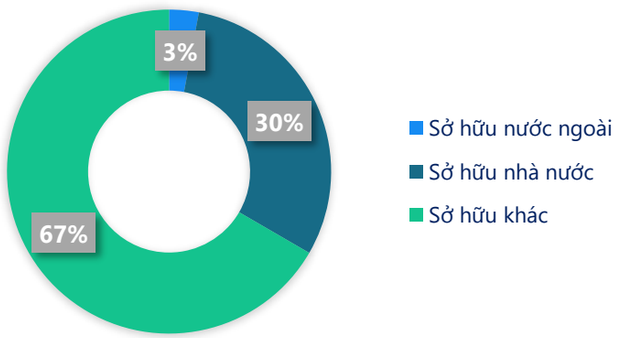

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

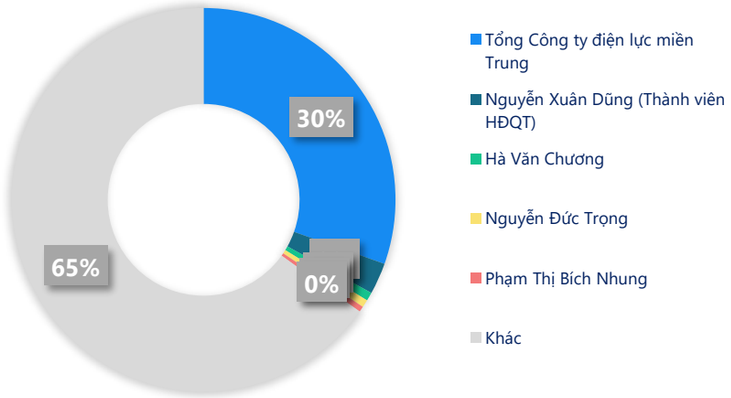

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

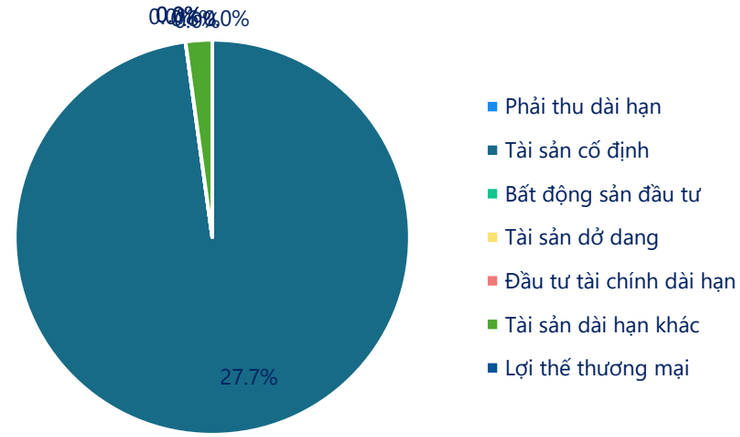

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 (HSX: DRL)

Tiền và tương đương tiền

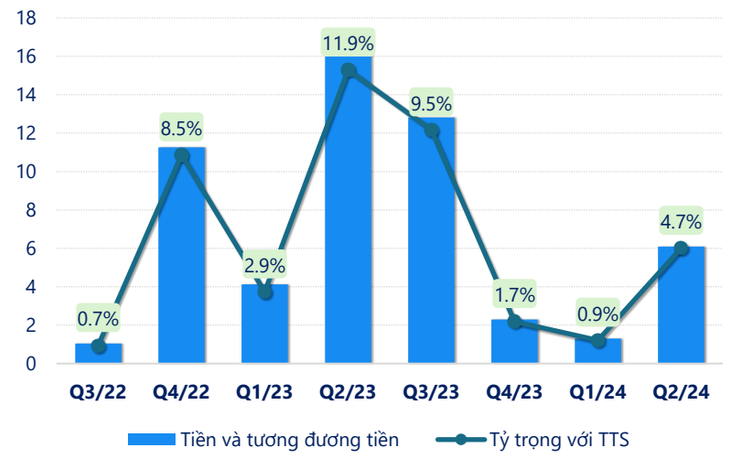

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

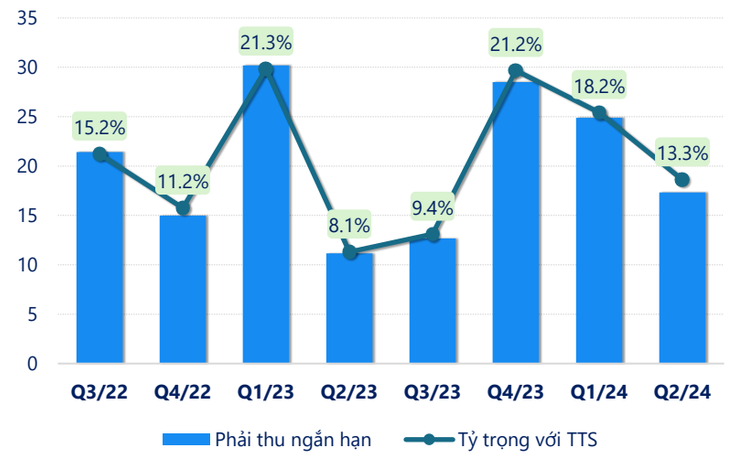

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

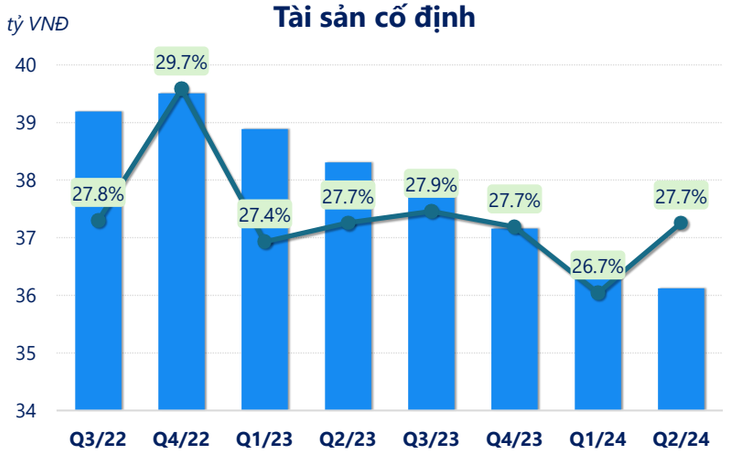

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

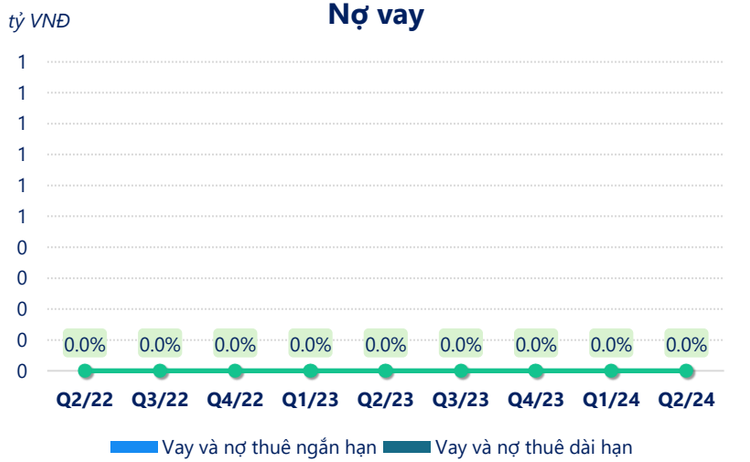

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

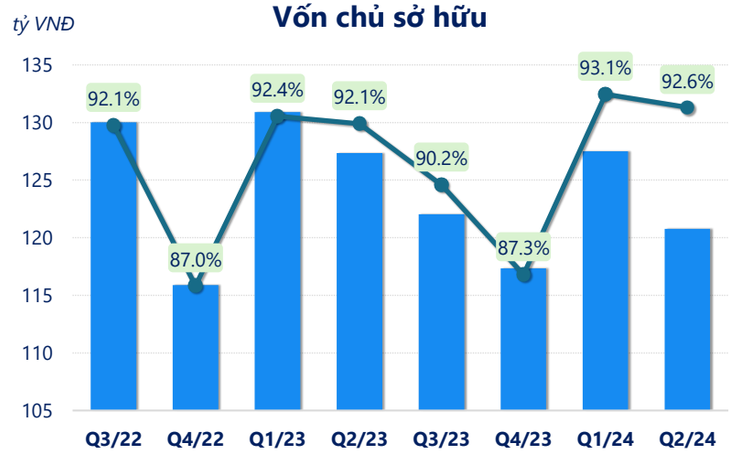

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 (HSX: DRL)

Kết quả kinh doanh

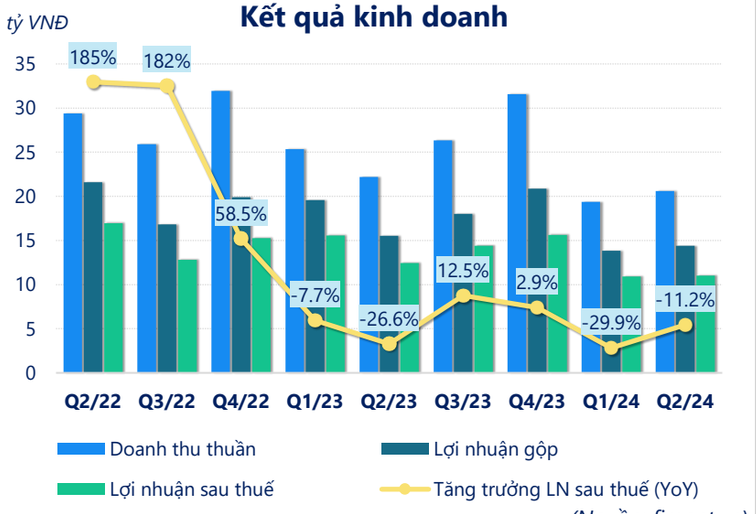

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

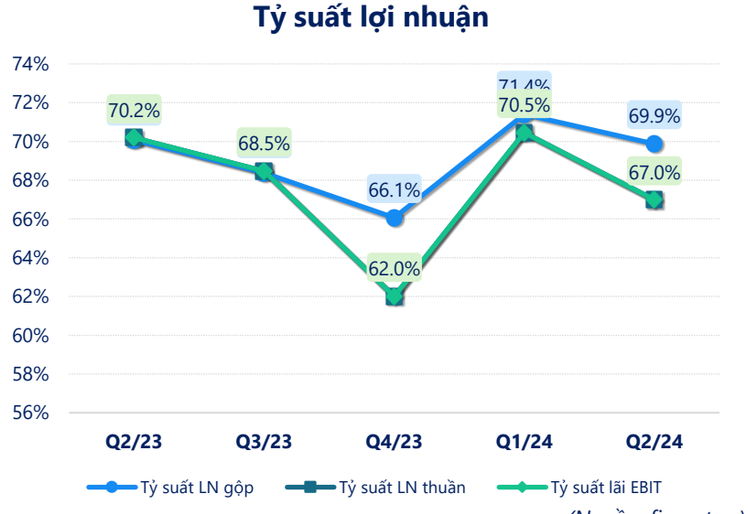

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

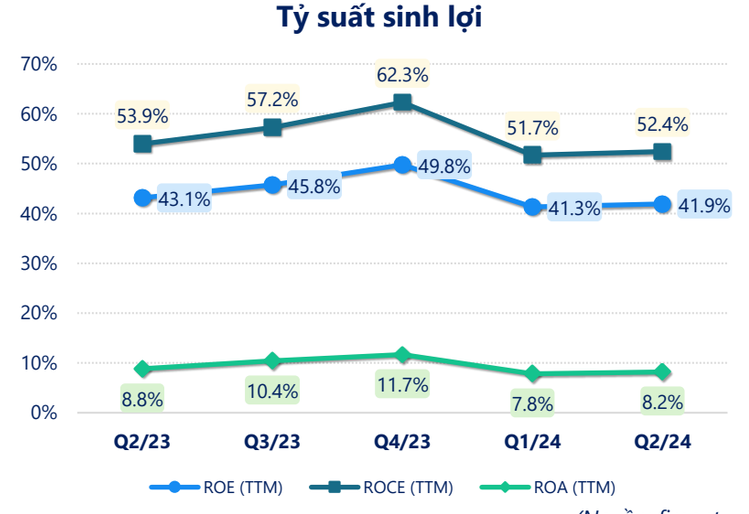

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

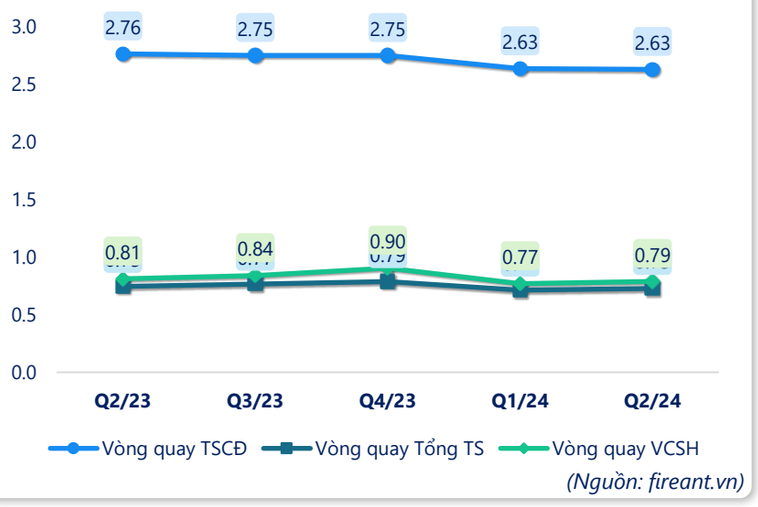

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

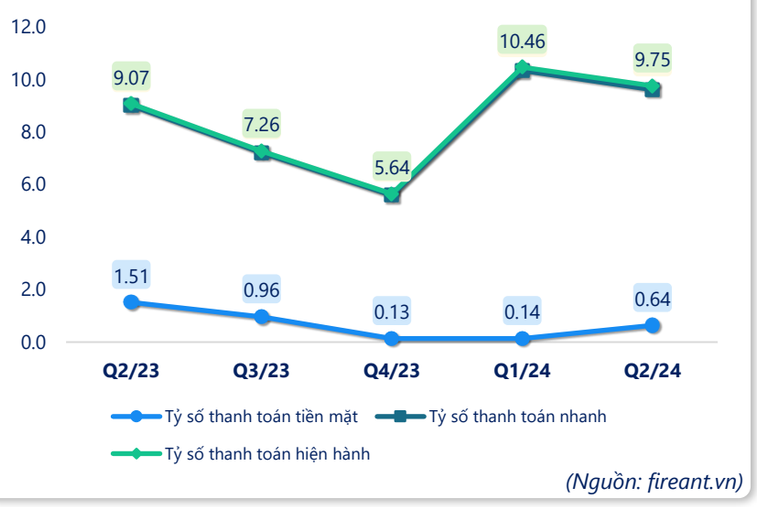

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

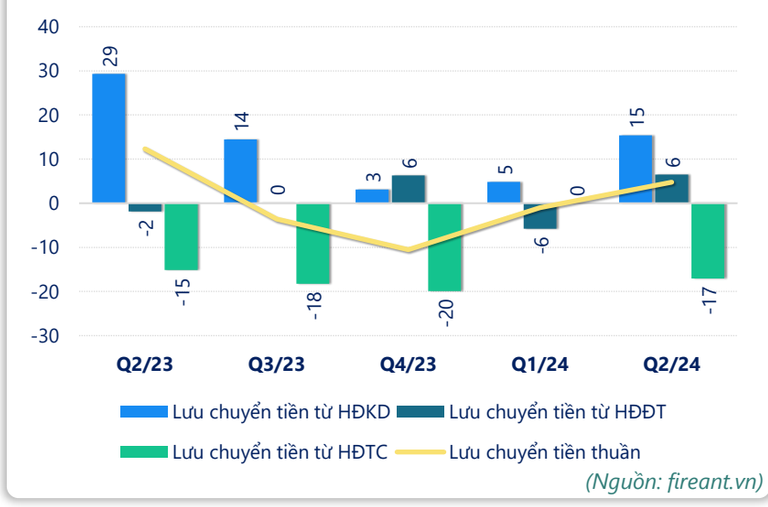

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 (HSX: DRL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**130**	**134**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	93.4	96.1	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	6.09	2.29	166%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.5	64.2	6.7%
Phải thu ngắn hạn	17.3	28.5	-39.2%
Hàng tồn kho	1.42	0.86	65.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.21	-61.5%
Tài sản dài hạn	**36.9**	**38.3**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.1	37.2	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.80**	**1.14**	**-30.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9.58	17.0	-43.7%
Nợ ngắn hạn	**9.58**	**17.0**	**-43.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.15	0.01	1368%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**121**	**117**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**121**	**117**	**2.9%**
Vốn điều lệ	95.0	95.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	22.2	26.3	31.6	19.4	20.6
Giá vốn hàng bán	6.64	8.32	10.7	5.54	6.21
Lợi nhuận gộp	15.5	18.0	20.9	13.8	14.4
Doanh thu HĐTC	1.42	1.49	1.41	1.24	0.87
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.40	1.47	2.69	1.42	1.46
LN thuần từ HĐKD	15.6	18.0	19.6	13.6	13.8
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	15.6	18.0	19.6	13.6	13.8
Lợi nhuận sau thuế	12.4	14.4	15.6	10.9	11.0
LNST của CĐ cty mẹ	12.4	14.4	15.6	10.9	11.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.3	14.5	3.10	4.80	15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.88	0.12	6.27	-5.80	6.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.1	-18.2	-19.9	0	-17.1
Tiền đầu kỳ	4.12	16.4	12.8	2.29	1.30
Lưu chuyển tiền thuần	**12.3**	**-3.62**	**-10.5**	**-0.99**	**4.79**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.4	12.8	2.29	1.30	6.09

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic